

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-8-2018.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hữu Đoàn;

Ông Trần Trung Kiên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn T, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: bà Huỳnh Thanh N, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông với bà Huỳnh Thanh N làm đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng tự tạo lập cuộc sống. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong mọi quan điểm, thường hay cãi vã, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thể dung hòa, vợ chồng không còn chung sống với nhau, ông nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà Huỳnh Thanh N nên yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thanh N.

- Về con chung: có một người con chung tên Lê Trung K, sinh năm 1993 và Lê Mỹ P, sinh năm: 1991 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2018, bị đơn bà Huỳnh Thanh N trình bày:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra phiên họp và hòa giải của Tòa án. Bà có ý kiến về vụ án như sau: về hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông Lê Văn T. Về con chung: Tên Lê Trung K, sinh năm: 1993 và Lê Mỹ P, sinh năm: 1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu. Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc không thể tham gia hòa giải, xét xử nên xin vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; bà N là bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung: Ông T và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ông T yêu cầu được ly hôn với bà N. Tại bản tự khai bà N cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên, do ông T và bà N không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông T với bà N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà N có 02 người con chung tên Lê Trung K, sinh năm: 1993 và Lê Mỹ P, sinh năm: 1991. Xét thấy các con đã trưởng thành, ông T xác định các con chung đã có gia đình riêng, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thanh N là vợ chồng.

2. Về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012093 ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thanh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Huỳnh Việt Hằng